

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 135/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 18 - 8 - 2021  
V/v anh Ng xin ly hôn chị Th

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chính

2. Ông Đàm Văn Kiều

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Trọng Ích - Thư ký Toà án nhân dân huyện N,, tỉnh N.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N,tỉnh N tham gia phiên tòa:***  
Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020. Về việc tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa:

+ Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân Ng - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Chị Phạm Thị Th - Sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt anh Ng, vắng mặt chị Th.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện lập ngày 09/12/2020 cũng như lời khai của nguyên đơn là anh Phạm Xuân Ng trong quá trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị

Phạm Thị Th nghị vào tháng 01/2005, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R. Sau khi kết hôn, chị và anh Ng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5/2015 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống và chị Th sống không chung thủy với anh nên vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng không được cải thiện và tháng 7/2020 anh với chị Th đã làm đơn xin thuận tình ly hôn nhưng anh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th không còn nên anh làm đơn xin được ly hôn chị Phạm Thị Th. Về con chung giữa anh và chị Phạm Thị Th có hai con chung là Phạm Thị Lan Anh sinh ngày 05/4/2006 và Phạm Quyết Th sinh ngày 03/02/2008, hiện đang do anh và chị Th nuôi dưỡng. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quyết Th còn chị Th nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Lan Anh, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung giữa anh và chị Phạm Thị Th thì anh không yêu cầu giải quyết. Về án phí, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, phía bị đơn là chị Phạm Thị Th vắng mặt nhưng chị Th có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của anh Phạm Xuân Ng về quá trình kết hôn và sống chung giữa chị và anh Ng. Quá trình sống chung giữa chị và anh Ng có rất nhiều mâu thuẫn, không thể hòa hợp được, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống. Đã có lần chị và anh Ng làm đơn ly hôn nhưng anh Ng chưa nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh Ng xin ly hôn chị nhưng chị không muốn vợ chồng ly hôn, nếu anh Ng quyết tâm xin ly hôn chị thì tùy anh Ng còn chị không có ý kiến gì. Về con chung giữa chị và anh Phạm Xuân Ng có hai con chung là Phạm Thị Lan A sinh ngày 05/4/2006 và Phạm Quyết Th sinh ngày 03/02/2008, hiện đang do chị và anh Ng nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn thì chị nhất trí với đề nghị của anh Ng là giải quyết mỗi người nuôi dưỡng một con và chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan A còn anh Ng trực tiếp nuôi cháu Th, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh Ng thì chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử lý hôn giữa anh Phạm Xuân Ng và chị Phạm Thị Th; Về con chung: đề nghị giao cháu Phạm Quyết Th cho anh Phạm Xuân Ng trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Thị Lan Anh cho chị Phạm Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên anh Phạm Xuân Ng phải nộp theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Xuân Ng và chị Phạm Thị Th đều cư trú tại thị trấn R, huyện N, tỉnh N, nay anh Ng có đơn xin ly hôn chị Th và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị Th vắng mặt nhưng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị Th, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tiến hành xét xử vắng mặt chị Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Phạm Xuân Ng và chị Phạm Thị Th được tổ chức kết hôn vào tháng 01/2005, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh Ng và chị Th chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5/2015 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do hai bên không hợp tính nhau và anh Ng nghị nhờ chị Th sống không chung thủy. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh Ng và chị Th không được cải thiện. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ng và chị Th đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay anh Ng xin được ly hôn chị Th nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Phạm Xuân Ng và chị Phạm Thị Th có hai con chung là Phạm Thị Lan A sinh ngày 05/4/2006 và Phạm Quyết Th sinh ngày 03/02/2008, hiện đang do anh Ng và chị Th nuôi dưỡng. Nay anh Ng đề nghị giải quyết chị Th trực tiếp nuôi cháu Lan A và anh Ng trực tiếp nuôi cháu Th, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung và phía chị Th cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Anh Phạm Xuân Ng và chị Phạm Thị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí : Anh Phạm Xuân Ng phải nộp án phí sơ dân sự thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử lý hôn giữa anh Phạm Xuân Ng và chị Phạm Thị Th.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Lan A sinh ngày 05/4/2006 cho chị Phạm Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Quyết Th sinh ngày 03/02/2008 cho anh Phạm Xuân Ng trực tiếp nuôi dưỡng. (hiện cháu Phạm Thị Lan A và cháu Phạm Quyết Th đang do anh Ng và chị Th nuôi dưỡng). Anh Phạm Xuân Ng có trách nhiệm giao cháu Phạm Thị Lan A cho chị Phạm Thị Th nuôi dưỡng; chị Phạm Thị Th có trách nhiệm giao cháu Phạm Quyết Th cho anh Ng nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm, anh Phạm Xuân Ng phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Phạm Xuân Ng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2019/0001845 ngày 15/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Phạm Xuân Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Ng, vắng mặt chị Th. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKS huyện N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND thị trấn R;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trần Xuân Dũng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Chính      Đàm Văn Kiều      Trần Xuân Dũng**



